

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/CV-DLG

Gia Lai, ngày 31 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- Mã chứng khoán: **DLG**
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán;
- Công văn số 22/2022/CV-DLGL ngày 31/03/2022 về việc giải trình liên quan BCTC năm 2021 đã được kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán;
- BCTC riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán;
- Công văn số 22/2022/CV-DLGL.

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TƯỜNG CỘT



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 07
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	08 - 09
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
4. Báo cáo kết quả kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 56
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	57



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch là: DUC LONG GIA LAI GROUP JSC) được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 33 vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán : DLG

Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : +84 (026) 9374 8367

Fax : +84 (026) 9374 7366

Mã số thuế : 5 9 0 0 4 1 5 8 6 3

▪ Các chi nhánh

Tên các chi nhánh

- Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai.

▪ Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	100%	100%	100%	85,00%	85,00%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T. trấn Chư Sê, H. Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%
4.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%
6.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Thôn 2, Xã Tân Lâm, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	88,00%	0,00%	88,00%	0,00%	88,00%	0,00%
7.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	84,03%	0,00%	84,03%	0,00%	84,03%	0,00%
8.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Trồng cây cà phê, mua bán và sản xuất các sản phẩm cà phê	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%
9.	Công ty CP Chè Biên Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng cây cà phê, mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%

▪ **Các công ty liên kết**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo dầm và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp, Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao, Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Cơ sở lưu trú khác, Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo dầm và hoàn thiện đá, Chi tiết: Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su, Chi tiết: Gia công cao su mù cốm;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu, Chi tiết: - Mua bán cao su mù cốm; - Mua bán phân bón. - Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường - Bán buôn bê tông xi măng;
- Sản xuất săm, lốp cao su; lắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay - Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp - Mua bán, xuất nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu, Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Hoạt động quản lý quỹ, Chi tiết: Quản lý quỹ chung;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Sản xuất linh kiện điện tử, Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê, chè, hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu, Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp;
- Bán buôn thực phẩm, Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	-
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	-
Ông Trần Cao Châu	Thành viên	29/06/2019	-
Ông Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/06/2019	-
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	-
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	29/06/2019	10/05/2021
Ông Jaegyun Kim	Thành viên	23/06/2018	29/01/2021

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	-
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	23/06/2018	-
Ông Trần Đình Anh Dũng	Thành viên	20/06/2020	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc	03/09/2019	30/09/2021
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	-
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	-
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiêm phụ trách kế toán	03/09/2019	-

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc	03/09/2019	30/09/2021

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 10 đến trang 57.

7 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

8 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng).
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

9 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng)

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN TUẦN CỘT

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 2203/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 10 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Kết quả kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng). Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (riêng) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (riêng). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (riêng) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (riêng).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Các vấn đề nhấn mạnh

- Tại Thuyết minh V.5 – Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.124.750.308.109 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.
- Tại Thuyết minh VII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Công ty là (1.071.178.105.858) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 201.863.844.354 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Công ty trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) đính kèm (xem Thuyết minh VII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảng cân đối kế toán (riêng)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.823.708.460.332	1.200.696.336.593
2	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	3.925.003.103	5.609.663.982
111	1. Tiền		3.925.003.103	5.609.663.982
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.570.397.696.174	932.900.160.861
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	763.698.688.288	439.532.545.517
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	51.814.488.110	71.698.141.279
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	832.318.832.801	550.380.286.643
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	229.094.749.994	227.476.773.114
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(306.529.063.019)	(356.187.585.692)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	198.421.979.177	212.186.511.750
141	1. Hàng tồn kho		198.537.885.604	212.186.511.750
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(115.906.427)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		963.781.878	-
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		960.869.261	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	2.912.617	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.350.255.160.466	3.097.637.172.627
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.293.700.145.308	1.366.598.479.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	1.292.431.475.308	1.365.329.809.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.268.670.000
220	II. Tài sản cố định		357.180.818.951	374.698.249.135
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	357.176.107.452	374.684.774.204
222	- Nguyên giá		452.887.345.953	452.802.364.135
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(95.711.238.501)	(78.117.589.931)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	4.711.499	13.474.931
228	- Nguyên giá		399.336.795	399.336.795
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(394.625.296)	(385.861.864)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	116.976.236.467	122.267.356.873
231	- Nguyên giá		167.002.111.806	167.002.111.806
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.025.875.339)	(44.734.754.933)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		32.436.436.566	23.653.573.473
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	32.436.436.566	23.653.573.473
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.13	548.031.514.325	1.208.450.281.568
251	1. Đầu tư vào công ty con		806.137.312.500	1.585.761.700.600
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		8.900.766.000	8.900.766.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		480.000.000	480.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(267.486.564.175)	(386.692.185.032)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.930.008.849	1.969.231.582
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	1.930.008.849	1.969.231.582
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.173.963.620.798	4.298.333.509.220

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

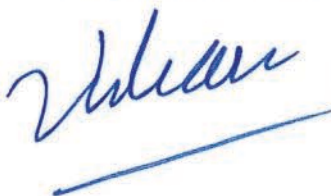
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.195.337.181.369	2.356.396.520.318
310	I. Nợ ngắn hạn		2.025.572.304.686	2.016.589.757.539
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	183.353.955.804	251.705.736.970
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	96.509.428.707	109.093.726.239
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	22.217.141.960	28.412.260.651
314	4. Phải trả người lao động		1.102.672.598	789.841.184
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	294.607.792.529	263.161.937.404
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		59.969.697	64.727.273
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	445.292.566.931	326.208.770.108
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	979.714.891.268	1.034.220.822.518
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.713.885.192	2.931.935.192
330	II. Nợ dài hạn		169.764.876.683	339.806.762.779
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	90.000.000	90.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21	169.674.876.683	339.716.762.779
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.978.626.439.429	1.941.936.988.902
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	1.978.626.439.429	1.941.936.988.902
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.510.908.328	50.510.908.328
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.071.178.105.858)	(1.107.867.556.385)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.107.867.556.385)	(64.896.181.926)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		36.689.450.527	(1.042.971.374.459)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.173.963.620.798	4.298.333.509.220

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán



ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Tổng Giám đốc




NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	83.827.047.782	311.504.257.903
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.827.047.782	311.504.257.903
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	82.538.588.074	362.700.017.324
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.288.459.708	(51.195.759.421)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	221.253.700.988	155.082.877.214
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	215.196.393.437	836.326.432.978
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		172.535.419.744	188.831.445.592
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	192.438.210	237.179.278
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	(37.659.775.268)	281.358.334.847
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.813.104.317	(1.014.034.829.310)
31	11. Thu nhập khác		282.866.785	1.571.219.942
32	12. Chi phí khác	VI.7	8.406.520.575	30.507.765.091
40	13. Lợi nhuận khác		(8.123.653.790)	(28.936.545.149)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.689.450.527	(1.042.971.374.459)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.689.450.527	(1.042.971.374.459)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	-	-
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	-	-

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán


ĐỖ THÀNH NHÂN



Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

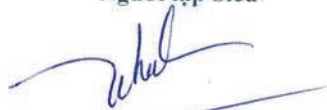
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		36.689.450.527	(1.042.971.374.459)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(32.706.391.389)	973.034.828.457
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, V.11	22.893.532.408	25.725.339.210
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.13	(168.748.237.103)	497.650.418.116
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	47.888.094.550	6.059.303.101
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.4	(107.275.200.988)	254.768.322.438
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	172.535.419.744	188.831.445.592
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.983.059.138	(69.936.546.002)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		188.179.301.218	164.739.905.080
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.648.626.146	4.901.685.529
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(101.067.254.365)	(103.877.224.643)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		39.222.733	439.755.247
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.126.239.829)	(8.103.834.103)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(16.837.149)	(50.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(218.050.000)	(11.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.421.827.892	(11.897.458.892)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.967.844.911)	(2.110.916.609)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	78.216.900.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(463.610.556.009)	(1.170.417.487.392)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		254.570.344.539	1.296.014.036.529
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(235.915.610.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		158.193.505.700	17.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		185.774.534.821	117.787.742.326
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		124.959.984.140	100.574.664.854
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	9.101.600.000	97.237.002.018
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(234.167.977.350)	(193.839.133.536)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(225.066.377.350)	(96.602.131.518)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1.684.565.318)	(7.924.925.556)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	5.609.663.982	13.534.697.168
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(95.561)	(107.630)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	3.925.003.103	5.609.663.982

Người lập biểu



TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT
kiểm phụ trách kế toán



ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022.
Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG
GIA LAI
TP. PLEIKU - T. GIANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp;
- Cơ sở lưu trú khác, Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Casting và hoàn thiện đá, Chi tiết: Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Doanh thu trong năm của Công ty giảm so với năm trước là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) dẫn đến số lượng tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm (phân bón, đá), các sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

phẩm từ gỗ và hoạt động dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ bị giảm và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai. Tuy nhiên, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng do chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu do trích lập nợ phải thu khó đòi trong năm giảm so với năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay; chi phí tài chính giảm do hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khi thoái vốn 04 công ty con (Công ty CP Năng lượng Tân Thượng, Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai, Công ty CP Cà phê Gia Lai và Công ty CP Chè Biển Hồ) dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty*Các chi nhánh trực thuộc (trong đó: 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 đơn vị hạch toán báo sổ)***Tên các chi nhánh**

- Chi nhánh Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Chế biến Gỗ số 2 Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Khách sạn Đức Long Gia Lai

- Chi nhánh Nhà nghỉ Đức Long Gia Lai

Địa chỉ

Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

152A Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số 95-97 Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Số 43 Lý Nam Đế, Tỉnh Gia Lai

Các công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	100%	100%	100,00%	100,00%	85,00%	85,00%
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%	70,06%
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%	73,50%
4.	Công ty Mass Noble Investment Limited	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng DLGL	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
6.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Thôn 2, Xã Tân Lâm, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	88,00%	0,00%	88,00%	0,00%	88,00%	0,00%
7.	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	84,03%	0,00%	84,03%	0,00%	84,03%	0,00%
8.	Công ty CP Cà phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Trồng cây cà phê, mua bán và sản xuất các sản phẩm cà phê	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%
9.	Công ty CP Chè Biển Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng cây cà phê, mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%	51,00%	0,00%

Các công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác.	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
			đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.						
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	40,00%	40,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 77 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 91 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty

con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 05
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định hữu hình khác	08 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao căn cứ theo Giấy chứng quyền sử dụng đất của Công ty ước tính là 39,5 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (gỗ, phân bón, đá...), thành phẩm (sản phẩm từ gỗ)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 22.680 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.063 VNĐ/USD
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 1,34 VNĐ/LAK.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 2,29 VNĐ/LAK.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.660.523.527	4.364.863.269
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	264.479.576	1.244.800.713
Cộng	3.925.003.103	5.609.663.982

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1, Công ty đang tìm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này trong năm 2022.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	26.846.310.647	24.540.933.270
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	15.433.148.315	14.173.459.602
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	6.145.951.000	5.641.773.636
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	4.420.961.332	3.989.450.032
- Công ty CP Bến xe liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	846.250.000	736.250.000
Phải thu các khách hàng khác	736.852.377.641	414.991.612.247
- Lý Trần Tiến	391.021.500.000	-
- Nguyễn Tuấn Vũ	136.400.000.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	76.611.779.427	128.167.854.667
- Tập Đoàn XDCĐ, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong & Công ty TNHH ĐTPT MTV Lào	67.466.845.149	115.297.817.456
- Các khách hàng khác	65.352.253.065	171.525.940.124
Cộng	763.698.688.288	439.532.545.517

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	100.000.000	17.044.649.778
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	100.000.000
- Shine Profit Development Limited	-	16.944.649.778
Trả trước cho các người bán khác	51.714.488.110	54.653.491.501
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	15.204.370.000	15.204.370.000
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	7.543.234.071
- Các người bán khác	28.906.884.039	31.905.887.430
Cộng	51.814.488.110	71.698.141.279

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	827.871.459.354	545.913.913.196
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	144.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽²⁾	102.455.555.500	80.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai ⁽³⁾	115.832.000.000	50.000.000.000
- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku ⁽⁴⁾	88.206.044.569	86.922.844.569
- Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng ⁽⁵⁾	75.527.303.254	30.000.000.000
- Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên ⁽⁶⁾	54.063.771.977	80.820.181.875
- Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai ⁽⁷⁾	49.900.000.000	-
- Các đối tượng khác ⁽⁸⁾	197.886.784.054	148.170.886.752
Phải thu về cho mượn ngắn hạn các bên khác	4.447.373.447	4.466.373.447
- Công ty CP ĐT & PT Năng lượng sạch Tây Nguyên	1.447.373.447	466.373.447
- Các đối tượng khác	3.000.000.000	4.000.000.000
Cộng ^(*)	832.318.832.801	550.380.286.643

⁽¹⁾ Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay theo Hợp đồng vay vốn số 08A/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/09/2019, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(3) Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng.

(4) Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo các Hợp đồng :

- Hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018 và Phụ lục Hợp đồng số 01-03/2018/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng vay vốn số 03/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 15/08/2021, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,6%/năm. Hạn mức cho vay 86.000.000.000 đồng.

(5) Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng vay theo Hợp đồng vay vốn số 05/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 05/06/2019, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 7%/năm, hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng.

(6) Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên vay theo các Hợp đồng sau :

- Hợp đồng số 04/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 17/08/2021, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 14/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 31/12/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-14/2019/HĐVV-ĐLGL/PLHD ngày 10/01/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, hạn mức cho vay 30.489.397.260 đồng, lãi suất 10,9%/năm.

(7) Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 09/12/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 213.050.000.000 đồng.

(8) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn các bên khác	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn các bên khác	1.292.431.475.308	1.365.329.809.996
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL ⁽⁹⁾	374.407.500.000	213.807.895.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽¹⁰⁾	222.657.805.400	251.773.655.400
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽¹¹⁾	220.000.000.000	270.000.000.000
- Vũ Văn Tin ⁽¹²⁾	131.255.213.566	91.250.000.000
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát ⁽¹³⁾	120.005.600.000	170.005.600.000
- Các đối tượng khác ⁽¹⁴⁾	224.105.356.342	368.492.659.596
Cộng^(*)	1.292.431.475.308	1.365.329.809.996

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

⁽⁹⁾ Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL vay theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 09/12/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 213.050.000.000 đồng;
- Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10.9%/năm cố định trong vòng 12 tháng, hạn mức cho vay 525.000.000.000 đồng

⁽¹⁰⁾ Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng;
- Hợp đồng vay vốn số 05/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 25/12/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng.

⁽¹¹⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

⁽¹²⁾ Vũ Văn Tín vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 18/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-04/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 04/01/2021, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 11,8%/năm, hạn mức cho vay 210.000.000.000 đồng.

⁽¹³⁾ Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo Hợp đồng vay vốn số 06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay là 250.000.000.000 đồng.

⁽¹⁴⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

(*) Tổng các khoản cho các tổ chức, cá nhân vay (tại mục V.5a và V.5b) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.124.750.308.109 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	10.542.904.208	24.931.007.623
- Công ty TNHH Điện tử DLG Asen	7.948.896.585	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	2.594.007.623	24.931.007.623
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	218.551.845.786	202.545.765.491
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	54.412.620.258	33.072.602.740
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	36.927.290.209	32.593.537.708
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai	23.366.844.052	15.975.751.240
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	21.487.722.017	11.407.722.017
- Tạm ứng cho nhân viên	2.387.047.798	2.315.404.900
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	131.137.800	131.137.800
- Phải thu khác	79.839.183.652	107.049.609.086
Cộng	229.094.749.994	227.476.773.114

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.268.670.000	1.268.670.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	1.268.670.000
Cộng	1.268.670.000	1.268.670.000

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(356.187.585.692)	(89.867.059.844)
Trích lập dự phòng bổ sung	(92.744.504.710)	(288.601.540.162)
Hoàn nhập dự phòng	142.403.027.383	22.281.014.314
Số cuối năm	(306.529.063.019)	(356.187.585.692)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Dự phòng
- Phải thu khách hàng quá hạn	761.974.744.620	631.184.956.716	(130.789.787.904)	210.930.671.882	38.647.032.384	(172.283.639.498)
- Phải thu về cho vay quá hạn	841.821.459.354	763.472.496.405	(78.348.962.949)	117.219.115.817	55.536.523.463	(61.682.592.354)
- Phải thu khác quá hạn	226.518.003.817	195.761.351.001	(30.756.652.816)	141.864.851.113	75.897.583.818	(65.967.267.295)
- Trả trước cho người bán quá hạn	51.657.408.001	3.023.748.651	(48.633.659.350)	51.508.551.270	13.254.464.725	(38.254.086.545)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)	50.000.000.000	32.000.000.000	(18.000.000.000)
Cộng	1.931.971.615.792	1.625.442.552.773	(306.529.063.019)	571.523.190.082	215.335.604.390	(356.187.585.692)

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	10.698.581.339	-	10.961.807.140	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.436.471.464	-	22.725.814.201	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	6.209.918.775	-	5.338.835.848	-
- Hàng hóa ⁽³⁾	173.192.914.026	(115.906.427)	173.160.054.561	-
Cộng	198.537.885.604	(115.906.427)	212.186.511.750	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF... dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ.⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ.⁽³⁾ Hàng hóa chủ yếu là đá và gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	248.171.306.394	11.172.554.390	14.595.666.484	1.034.949.109	175.885.082.455	1.942.805.303	452.802.364.135
Mua mới	-	-	-	84.981.818	-	-	84.981.818
Tăng khác (*)	-	110.401.818	-	-	-	320.000.000	430.401.818
Giảm khác (*)	(110.401.818)	-	-	(320.000.000)	-	-	(430.401.818)
Số cuối năm	248.060.904.576	11.282.956.208	14.595.666.484	799.930.927	175.885.082.455	2.262.805.303	452.887.345.953
<i>Trong đó:</i>							
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.919.873.934	5.488.427.117	11.788.331.938	333.494.563	-	320.000.000	24.850.127.552
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	36.308.448.609	9.057.140.131	13.415.395.543	694.170.807	17.858.721.224	783.713.617	78.117.589.931
Khấu hao trong năm	7.667.659.886	481.565.836	280.739.772	172.750.720	8.795.003.952	195.928.404	17.593.648.570
Tăng khác (*)	-	23.386.192	-	-	-	320.000.000	343.386.192
Giảm khác (*)	(23.386.192)	-	-	(320.000.000)	-	-	(343.386.192)
Số cuối năm	43.952.722.303	9.562.092.159	13.696.135.315	546.921.527	26.653.725.176	1.299.642.021	95.711.238.501
Giá trị còn lại							
<i>Số đầu năm</i>	<i>211.862.857.785</i>	<i>2.115.414.259</i>	<i>1.180.270.941</i>	<i>340.778.302</i>	<i>158.026.361.231</i>	<i>1.159.091.686</i>	<i>374.684.774.204</i>
<i>Số cuối năm (**)</i>	<i>204.108.182.273</i>	<i>1.720.864.049</i>	<i>899.531.169</i>	<i>253.009.400</i>	<i>149.231.357.279</i>	<i>963.163.282</i>	<i>357.176.107.452</i>

(*) Tăng khác, giảm khác do Công ty phân loại lại tài sản cố định hữu hình.

(**) Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 347.510.264.115 (xem tại thuyết minh V.20, V.21).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số đầu năm	81.652.795	317.684.000	399.336.795
- Tăng trong năm	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	81.652.795	317.684.000	399.336.795
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	81.652.795	298.340.000	379.992.795
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	81.652.795	304.209.069	385.861.864
- Khấu hao trong năm	-	8.763.432	8.763.432
- Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	81.652.795	312.972.501	394.625.296
Giá trị còn lại (*)			
<i>Số đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>13.474.931</i>	<i>13.474.931</i>
<i>Số cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>4.711.499</i>	<i>4.711.499</i>

(*) Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số đầu năm	21.641.537.135	145.360.574.671	167.002.111.806
- Tăng trong năm	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	21.641.537.135	145.360.574.671	167.002.111.806
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.436.048.989	4.436.048.989
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	479.788.340	44.254.966.593	44.734.754.933
- Khấu hao trong năm	318.443.976	4.972.676.430	5.291.120.406
Số cuối năm	798.232.316	49.227.643.023	50.025.875.339
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.161.748.795	101.105.608.078	122.267.356.873
Số cuối năm	20.843.304.819	96.132.931.648	116.976.236.467

Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm của Quyền sử dụng đất và Nhà cửa vật kiến trúc đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay lần lượt là 9.063.000.000 đồng và 96.132.931.648 đồng (xem tại thuyết minh V.20, V.21).

^(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 1A, Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với nguyên giá 9.063.000.000 đồng, diện tích 6.360 m², thời hạn sử dụng: lâu dài. Mục đích sử dụng: cho Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng thuê hoạt động. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (xem tại thuyết minh V.20).

- Quyền sử dụng đất tại Quốc lộ 1A, Dự án Bến xe khách liên tỉnh phía Nam, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng với nguyên giá 12.578.537.135 đồng, diện tích 9.014 m², thời hạn sử dụng đến 16/2/2059. Mục đích sử dụng: cho Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng thuê hoạt động.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	23.653.573.473	8.782.863.093	-	32.436.436.566
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku ^(*)	21.898.087.080	8.582.863.093	-	30.480.950.173
- Các công trình khác	1.755.486.393	200.000.000	-	1.955.486.393
Cộng	23.653.573.473	8.782.863.093	-	32.436.436.566

^(*) Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/2019/HĐHTĐT ngày 15/7/2019 giữa Công ty và vợ chồng ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) - bà Nguyễn Thị Hương. Trong đó, vợ chồng ông Bùi Pháp góp vốn bằng quyền sử dụng đất và một số tài sản trên đất tại 95-97-99 Đường Hai Bà Trưng, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku. Công ty góp vốn, kỹ thuật để đầu tư xây dựng Dự án khách sạn Đức Long Gia Lai. Thời hạn hợp tác đầu tư: từ ngày ký hợp đồng cho đến khi hết thời hạn hoạt động của Giấy phép được cấp. Sau khi công trình hoàn thành, các bên sẽ quyết toán giá trị Dự án bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng, làm cơ sở cho việc xác định giá trị vốn góp của mỗi bên vào Dự án và phân chia kết quả kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	806.137.312.500	539.130.748.325	(267.006.564.175)	1.585.761.700.600	1.199.549.515.568	(386.212.185.032)
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng ⁽¹⁾	1.979.700.000	855.777.956	(1.123.922.044)	1.979.700.000	786.689.462	(1.193.010.538)
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông ⁽²⁾	176.500.000.000	176.500.000.000	-	176.500.000.000	176.500.000.000	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai ⁽³⁾	149.800.000.000	-	(149.800.000.000)	149.800.000.000	30.495.816.682	(119.304.183.318)
- Công ty Mass Noble Investment Limited ⁽⁴⁾	249.157.612.500	249.157.612.500	-	249.157.612.500	249.157.612.500	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL ⁽⁵⁾	228.700.000.000	112.617.357.869	(116.082.642.131)	228.700.000.000	101.491.099.578	(127.208.900.422)
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản ĐLGL	-	-	-	505.000.000.000	424.525.930.244	(80.474.069.756)
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thương	-	-	-	136.400.000.000	106.746.212.378	(29.653.787.622)
- Công ty CP Cà phê Gia Lai	-	-	-	83.082.534.300	54.704.300.924	(28.378.233.376)
- Công ty CP Chè Biển Hồ	-	-	-	55.141.853.800	55.141.853.800	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai ⁽⁶⁾	8.900.766.000	8.900.766.000	-	8.900.766.000	8.900.766.000	-
- Công ty CP Đức Long Tây Nguyên ⁽⁷⁾	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP DLG CY Việt Nam ⁽⁸⁾	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc ⁽⁹⁾	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
Cộng	815.518.078.500	548.031.514.325	(267.486.564.175)	1.595.142.466.600	1.208.450.281.568	(386.692.185.032)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

(1) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.979.700.000 đồng, tương ứng nắm giữ 2,64% vốn điều lệ của Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (số đầu năm là 1.979.700.000 đồng, tương ứng 2,64% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng là 72.520.300.000 đồng. Ngày 29/12/2018, theo Quyết định số 65/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Đức Long Đà Nẵng (nay là Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng) cho Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

xe Đà Nẵng. Cho đến hiện tại, việc chuyển nhượng chưa hoàn thành do Công ty đang hoàn thiện một số thủ tục pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất tại bến xe.

(2) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 176.500.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 70,60% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông (số đầu năm là 176.500.000.000 đồng, tương ứng 70,60% vốn điều lệ).

(3) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 149.800.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 73,50% vốn điều lệ của Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (số đầu năm là 149.800.000.000 đồng, tương ứng 73,50% vốn điều lệ).

(4) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 249.157.612.500 đồng, tương ứng nắm giữ 97,73% vốn điều lệ của Công ty Mass Noble Investment Limited (số đầu năm là 249.157.612.500 đồng, tương ứng 97,73% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 11.445.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 93,35% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL (số đầu năm là 11.445.000 cổ phiếu, tương ứng 93,35% vốn điều lệ).

(6) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ).

(7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900782239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2011, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP Đức Long Tây Nguyên là 6.000.000.000 đồng tương ứng nắm giữ 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP Đức Long Tây Nguyên. Đến ngày 31/12/2021, Công ty CP Đức Long Tây Nguyên chưa đi vào hoạt động kinh doanh và Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định.

(8) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314483661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ Công ty phải đầu tư vào Công ty CP DLG CY Việt Nam là 912.000.000 đồng tương ứng nắm giữ 40,00% vốn điều lệ của Công ty CP DLG CY Việt Nam. Đến ngày 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo quy định và Công ty CP DLG CY Việt Nam hiện đang hoạt động kinh doanh.

(9) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 7,2% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 7,2% vốn điều lệ).

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất	1.911.902.788	1.961.567.972
- Công cụ, dụng cụ	18.106.061	7.663.610
Cộng (*)	1.930.008.849	1.969.231.582

(*) *Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:*

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.969.231.582	2.388.259.885
Phát sinh trong năm	21.727.273	7.663.610
Phân bổ trong năm	(60.950.006)	(426.691.913)
Số dư cuối năm	1.930.008.849	1.969.231.582

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	63.342.015	494.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	63.342.015	494.000.000
Phải trả cho các người bán khác	183.290.613.789	251.211.736.970
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	51.327.407.966
- Công ty CP Lilama 45.3	31.426.511.438	31.426.511.438
- Các người bán khác	100.536.694.385	168.457.817.566
Cộng (*)	183.353.955.804	251.705.736.970

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 159.147.707.003 đồng.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả tiền trước của các bên liên quan	12.410.817.130	12.550.017.130
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (*)	12.219.817.130	12.219.817.130
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	191.000.000	330.200.000
Trả tiền trước của các người mua khác	84.098.611.577	96.543.709.109
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng (*)	34.839.674.670	34.839.674.670
- Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Đà Nẵng (*)	27.500.000.000	27.500.000.000
- Công ty TNHH Dinh Dưỡng Á Châu	17.000.000.000	17.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Các người mua khác	3.758.936.907	16.204.034.439
Cộng	96.509.428.707	109.093.726.239

(*) Nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 75.559.491.800 đồng (trong đó ngoài Tập đoàn là 63.339.674.670 đồng).

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	3.119.603.985	-	2.270.473.285	(5.090.113.965)	299.963.305	-
- Thuế TNDN	16.786.759.339	-	-	(16.837.149)	16.769.922.190	-
- Thuế TNCN	2.926.791	-	11.329.045	(17.168.453)	-	2.912.617
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.540.649.383	-	611.492.882	(1.849.814.519)	2.302.327.746	-
- Thuế tài nguyên	1.857.240	-	-	(1.857.240)	-	-
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	4.960.463.913	-	1.088.005.300	(3.203.540.494)	2.844.928.719	-
Cộng	28.412.260.651	-	3.981.300.512	(10.179.331.820)	22.217.141.960	2.912.617

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.689.450.527	(1.042.971.374.459)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	6.180.994.408	318.986.123.559
- Các khoản điều chỉnh tăng	151.083.979.484	319.211.158.559
+ Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền và nợ phải thu	47.888.094.550	6.059.968.328
+ Chi phí chậm nộp	-	2.199.779.677
+ Chi phí lãi vay loại trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	-	34.255.968.328
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	103.195.884.934	276.695.442.226
- Các khoản điều chỉnh giảm	(144.902.985.076)	(225.035.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(505.029.016)	(225.035.000)
+ Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(142.403.027.383)	-
+ Khác	(1.994.928.677)	-
Thu nhập chịu thuế	42.870.444.935	(723.985.250.900)
Lỗ các năm trước được chuyển	(42.870.444.935)	-
Thu nhập tính thuế	-	(723.985.250.900)
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	-	-

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công trình xây lắp	82.375.830.788	96.021.066.673
- Chi phí lãi vay	212.231.961.741	167.140.870.731
Cộng (*)	294.607.792.529	263.161.937.404

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 198.497.520.154 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	15.530.194.087	17.716.928.696
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia lai	12.118.883.972	10.198.757.884
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	2.064.375.501	4.456.441.695
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía nam Thành phố Đà Nẵng	636.950.826	438.911.543
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	542.670.249	498.645.039
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	167.313.539	2.124.172.535
Phải trả cho các đối tượng khác	429.762.372.844	308.491.841.412
- Chi phí lãi vay	427.632.287.287	306.383.608.993
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- Bảo hiểm	448.597.780	447.041.552
- Phải trả khác	237.629.327	217.332.417
Cộng (*)	445.292.566.931	326.208.770.108

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 416.756.376.436 đồng.

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	90.000.000	90.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	90.000.000	90.000.000
Cộng	90.000.000	90.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số V.20a)	20.057.027.370	75.670.143.236
Vay ngắn hạn các tổ chức khác (Thuyết minh số V.20b)	198.859.875.530	198.859.875.530
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số V.21a)	384.333.656.912	372.277.667.752
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số V.21b)	374.814.331.456	385.763.136.000
Cộng (*)	979.714.891.268	1.034.220.822.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức khác	274.530.018.766	9.101.600.000	-	(64.714.715.866)	218.916.902.900
- Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	-	-	-	1.650.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	372.277.667.752	-	170.560.446.100	(158.504.456.940)	384.333.656.912
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	385.763.136.000	-	-	(10.948.804.544)	374.814.331.456
Cộng	1.034.220.822.518	9.101.600.000	170.560.446.100	(234.167.977.350)	979.714.891.268

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

20a. Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia lai				
Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV ngày 01/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 06/PL - HĐVV ngày 01/07/2021	20.057.027.370	Từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 31/12/2021	8,5%/năm	Tín chấp
Tổng cộng	20.057.027.370			

20b. Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HĐTD ngày 11/10/2017	176.254.815.400	Từ ngày 11/10/2017 đến hết ngày 31/8/2018	Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.	Máy móc, thiết bị chế biến gỗ (Thuyết minh số V.9).
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT500-DUCLONG ngày 02/01/2018	22.605.060.130	Từ ngày 02/01/2018 đến hết ngày đến hết ngày 31/12/2018	Lãi suất vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên.	Được bảo lãnh bởi ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương và một số phương tiện vận tải khác thuộc sở hữu của Công ty.
Tổng cộng	198.859.875.530			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn của cá nhân	-	138.224.388.100
- Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức khác (Thuyết minh số V.21a)	56.191.180.000	88.527.238.000
- Vay dài hạn trái phiếu thường (Thuyết minh số V.21b)	113.483.696.683	112.965.136.679
Cộng (*)	169.674.876.683	339.716.762.779

(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 906.587.899.175 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chuyển sang vay nợ đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng, cá nhân	226.751.626.100	-	(170.560.446.100)	-	56.191.180.000
- Trái phiếu thường	112.965.136.679	518.560.004	-	-	113.483.696.683
Cộng	339.716.762.779	518.560.004	(170.560.446.100)	-	169.674.876.683

21a. Vay dài hạn các ngân hàng và các tổ chức khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	152.489.858.000	152.489.858.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	55.174.137.200	55.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	48.283.000.000	48.283.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM	178.012.997.289	198.293.066.129
- Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	6.564.844.423	6.564.844.423
Cộng	440.524.836.912	460.804.905.752
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>56.191.180.000</i>	<i>88.527.238.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>384.333.656.912</i>	<i>372.277.667.752</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án cao ốc, dự án trồng cây cao su, dự án khai thác, chế biến quặng chì kẽm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21a. Vay dài hạn các ngân hàng và các tổ chức khác (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/5/2008	6.200.000.000	Thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng	Từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022. Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/1/2012	66.924.000.000	Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng	Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026	Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013	19.965.858.000	Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019	Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay.	Tài sản hình thành trong tương lai, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định và bất động sản đầu tư của Công ty.
Tổng cộng	152.489.858.000			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	41.200.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	111.289.858.000			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/1/2014 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/1/2014)	55.174.137.200	Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên	Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân.	Toàn bộ tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay.
Tổng cộng	55.174.137.200			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn:	14.991.180.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	40.182.957.200			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HDTD ngày 19/7/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/6/2014.	48.283.000.000	Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm	Lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (lãi suất vay thả nổi = lãi suất cơ sở + biên độ 4%/năm).	Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, hiện đã hoàn thành và là TSCĐ và BĐS của Công ty.
	48.283.000.000			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	48.283.000.000			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/1/2012; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/6/2013	178.012.997.289	Thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016	Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần.	Tài sản hình thành trong tương lai là lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng và là tài sản cố định hữu hình của Công ty.
Tổng cộng	178.012.997.289			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn:	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	178.012.997.289			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Công ty CP Đầu tư & KD Bất Động Sản Đức Long Gia Lai				
Hợp đồng vay vốn số 05/HĐV/BDS/2020 ngày 01/01/2020	6.564.844.423	Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	7%/năm	Vay tín chấp
Tổng	6.564.844.423			
Trong đó:				
Vay dài hạn:	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	6.564.844.423			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21b. Vay dài hạn trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	487.779.468.135	498.209.612.675
Chi phí phát hành trái phiếu	518.560.004	518.660.004
Cộng	488.298.028.139	498.728.272.679

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn	113.483.696.683	112.965.136.679
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	374.814.331.456	385.763.136.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay trái phiếu thường trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Trái phiếu dài hạn	112.965.136.679	518.560.004	-	-	113.483.696.683
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	385.763.136.000	-	-	(10.948.804.544)	374.814.331.456
Cộng	498.728.272.679	518.560.004	-	(10.948.804.544)	488.298.028.139

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

21b. Vay dài hạn trái phiếu thường (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay trái phiếu như sau:

Tên tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.9, V.11)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 31/12/2014	366.000.000.000	Từ ngày 31/12/2014 đến hết ngày 31/12/2019	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017	121.779.468.135	Từ ngày 30/7/2017 đến hết ngày 30/12/2022	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty
Chi phí phát hành trái phiếu	518.560.004			
Tổng	488.298.028.139			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn:	113.483.696.683			
Vay dài hạn đến hạn trả	374.814.331.456			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22. Vốn chủ sở hữu**22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại **Phụ lục 01**.**22.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.3. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

23. Tài khoản ngoài bảng**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	1.267,81	1.363,79

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các khách hàng khác	2.777.956.695	2.777.956.695
Cộng	3.948.050.164	3.948.050.164

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	8.264.644.433	11.024.300.297
- Doanh thu bán phân bón	22.154.185.000	93.315.770.000
- Doanh thu bán đá	46.958.394.600	131.210.560.700
- Doanh thu cho thuê tài sản	6.155.478.603	8.325.438.106
- Doanh thu khác	294.345.146	1.095.302.165
- Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	57.176.000.000
- Doanh thu công trình xây dựng	-	9.356.886.635
Cộng	83.827.047.782	311.504.257.903

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	5.437.530.809	9.212.202.734
- Giá vốn bán phân bón	22.090.980.500	114.635.182.847
- Giá vốn bán đá	46.905.681.517	130.806.652.635
- Giá vốn cho thuê tài sản	5.725.752.929	6.140.090.559
- Giá vốn khác	2.262.735.892	2.668.576.078
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	115.906.427	(750.364.847)
- Giá vốn công trình xây dựng	-	7.790.764.817
- Giá trị hàng tồn kho hủy do hư hỏng	-	25.377.394.528
- Giá vốn bất động sản đầu tư	-	66.819.517.973
Cộng	82.538.588.074	362.700.017.324

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	200.779.554.372	154.575.477.264
- Lãi bán cổ phiếu	19.969.117.600	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	505.029.016	225.035.000
- Khác	-	282.364.950
Cộng	221.253.700.988	155.082.877.214

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay và thuê tài chính	120.267.073.392	112.267.301.177
- Lãi trái phiếu	51.749.786.348	76.045.484.411
- Lỗ từ chuyển nhượng vốn góp	113.978.500.000	409.355.516.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.888.094.550	6.059.214.271
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	15.269.208.474	280.018.033.299
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(134.474.829.331)	(29.745.408.338)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(18.192.367.846)
- Phí phát hành trái phiếu	518.560.004	518.660.004
Cộng	215.196.393.437	836.326.432.978

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	73.747.864	69.957.834
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.920.000	93.301.444
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.770.346	-
Cộng	192.438.210	237.179.278

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	3.753.090.952	4.564.133.740
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.572.194.236	8.531.318.402
- Dự phòng khoản phải thu quá hạn khó đòi	92.744.504.710	288.601.540.162
- Hoàn nhập khoản phải thu quá hạn khó đòi (*)	(142.403.027.383)	(22.281.014.314)
- Chi phí dịch vụ, bằng tiền khác	3.673.462.217	1.942.356.857
Cộng	(37.659.775.268)	281.358.334.847

(*) Công ty đã hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	10.378.487.017	12.975.810.447
- Chi phí khác	(1.971.966.442)	17.531.954.644
Cộng	8.406.520.575	30.507.765.091

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.847.496.508	1.888.659.548
- Chi phí nhân công	6.553.723.975	8.515.156.953
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.515.045.391	12.749.528.763
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	4.487.786.815	32.404.337.894
Cộng	25.404.052.689	55.557.683.158

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/10/2021	72.948.718	-
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 30/09/2021	328.490.028	415.721.367
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	305.683.759	337.871.795
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	421.200.000	423.000.000
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	308.000.000	249.046.154
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	233.855.412	237.967.321
Cộng		1.670.177.917	1.663.606.637

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

STT	Bên liên quan khác	Mối quan hệ
1.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Công ty con
2.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Công ty con
3.	Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	Công ty con
4.	Công ty Mass Noble Investment Limited	Công ty con
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL	Công ty con
6.	Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
7.	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
8.	Công ty Shine Profit Development Limited	Công ty con của Công ty Mass Noble Investment Limited
9.	Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung chủ tịch HĐQT
10.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo
11.	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
12.	Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven
13.	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
14.	Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	100.000.000	100.000.000
Phải trả tiền nộp hộ tiền thuê đất	198.039.283	438.911.543

Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.090.909.092
Lãi vay phải trả	1.775.847.825	1.900.774.066
Lãi vay đã trả	1.731.822.615	5.685.342.868
Đi vay	-	5.419.175.000
Trả nợ gốc đi vay	32.452.041.492	634.657.132

Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	1.636.363.636	1.636.363.636
Lãi vay phải trả	1.920.126.087	-

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.090.909.092
Doanh thu xây lắp	-	5.041.773.636
Doanh thu bán hàng	-	19.924.600.000
Lãi vay phải trả	1.117.264.438	2.123.697.419
Lãi vay đã trả	3.074.123.434	1.505.000.000
Đi vay	861.000.000	2.375.172.596
Trả nợ gốc đi vay	20.013.634.366	6.329.536.010

Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.035.000

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	2.147.165.375	2.147.165.376

Công ty TNHH Đức Long Dung Quất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp	-	4.315.112.999
Cho vay	1.400.100.000	-
Thu hồi tiền cho vay	1.400.100.000	-

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho vay	200.000.000	503.000.000
Thu hồi tiền cho vay	200.000.000	199.923.561.912
Lãi cho vay	-	4.232.865.390
Thu lãi cho vay	22.337.000.000	8.430.562.750

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	1.776.000.000	1.536.000.000
Chi phí thuê tài sản	218.181.819	305.454.544
Lãi vay phải trả	306.893.798	322.677.166
Lãi vay đã trả	763.335.493	-
Đi vay	8.240.600.000	1.230.400.000
Trả tiền vay	12.249.040.008	-

- Số dư với các bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15, V.16, V.19a, V.20.

3c. Bảo đảm của cá nhân cho các khoản Công ty đi vay

Ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.20, V.21).

3d. Bảo đảm của bên liên quan cho các khoản Công ty đi vay

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven và Công ty TNHH Đức Long Dung Quất đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.20, V.21).

3e. Bảo đảm của tổ chức không phải bên liên quan cho các khoản Công ty đi vay

Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL đã dùng tài sản để đảm bảo khoản phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.21).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: sản phẩm từ gỗ.
- Hàng hóa: Phân bón, đá
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

• Năm nay

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán phân bón	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.264.644.433	22.154.185.000	46.958.394.600	6.155.478.603	294.345.146	83.827.047.782
Giá vốn hàng bán	5.437.530.809	22.090.980.500	46.905.681.517	5.725.752.929	2.378.642.319	82.538.588.074
Lợi nhuận gộp	2.827.113.624	63.204.500	52.713.083	429.725.674	(2.084.297.173)	1.288.459.708

• Năm trước

	Hoạt động bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	Hoạt động bán phân bón	Hoạt động bán đá	Cho thuê tài sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.024.300.297	93.315.770.000	131.210.560.700	8.325.438.106	67.628.188.800	311.504.257.903
Giá vốn hàng bán	9.212.202.734	114.635.182.847	130.806.652.635	6.140.090.559	101.905.888.549	362.700.017.324
Lợi nhuận gộp	1.812.097.563	(21.319.412.847)	403.908.065	2.185.347.547	(34.277.699.749)	(51.195.759.421)

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty là chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Số liệu so sánh

Số liệu cuối năm 2020 được trình bày lại trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 nguyên nhân do:

- Khoản thanh lý đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1 chưa đủ điều kiện ghi nhận theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng vốn góp.
- Trình bày lại khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai (công ty con) phù hợp theo quy định.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	454.532.545.517	(15.000.000.000)	439.532.545.517
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(338.187.585.692)	(18.000.000.000)	(356.187.585.692)
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(394.063.125.368)	7.370.940.336	(386.692.185.032)
Cộng		(277.718.165.543)	24.370.940.336	(253.347.225.207)
Nguồn vốn				
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	92.093.726.239	17.000.000.000	109.093.726.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(70.483.327.189)	5.587.145.263	(64.896.181.926)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)
Cộng		(1.023.144.770.482)	24.370.940.336	(998.773.830.146)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Báo cáo hoạt động kinh doanh				
- Chi phí tài chính	22	856.110.228.051	(19.783.795.073)	836.326.432.978
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	263.358.334.847	18.000.000.000	281.358.334.847
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.015.818.624.383)	1.783.795.073	(1.014.034.829.310)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)

6. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp tài sản cố định hữu hình, Bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 dùng để thế chấp lần lượt là 347.510.264.115 đồng và 105.195.931.648 đồng (xem tại thuyết minh V.9, V.11).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Công ty là (1.071.178.105.858) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 201.863.844.354 đồng; Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.756.548.994.568 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2021, Công ty đã cơ bản thực hiện thành công phương án tái cấu trúc tình hình tài chính của Doanh nghiệp, rà soát sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy nhân sự ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 để tập trung nguồn vốn giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, vay khác với số tiền 224.547.817.346 đồng, giảm chi phí lãi vay. Đồng thời tái cấu trúc lại tình hình tài chính Doanh nghiệp, tăng nguồn vốn lưu động để bổ sung duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận, giảm dần sự mất cân đối tài chính giữa các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty. Định hướng của Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu trong năm 2022 ÷ 2023, tập trung phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án kém hiệu quả nhằm giảm dần dư nợ gốc. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để tìm đối tác huy động nguồn vốn hoặc chuyển nhượng một phần dự án nhằm tất toán nợ gốc quá hạn ngân hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2023 và miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo Doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Các cam kết khác

Tình hình thực hiện cam kết góp vốn của Công ty vào các Công ty con, Công ty liên kết và Công ty đầu tư như sau:

	Vốn điều lệ của các Công ty nhận đầu tư	Tỷ lệ	Trong đó: Công ty cam kết góp Vốn cam kết góp	Vốn góp thực tế (theo mệnh giá) của Công ty đến ngày 31/12/2021	Vốn góp thiếu
Đầu tư vào Công ty con	971.372.401.456		827.946.985.508	755.426.685.508	72.520.300.000
- Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	75.000.000.000	99,33%	74.500.000.000	1.979.700.000	72.520.300.000
- Công ty CP BOT & BT Đức Long ĐăK Nông	250.000.000.000	70,60%	176.500.000.000	176.500.000.000	-
- Công ty CP BOT & BT Đức Long Gia Lai	203.810.000.000	73,50%	149.800.000.000	149.800.000.000	-
- Công ty Mass Noble Investment Limited	320.062.401.456	97,73%	312.796.985.508	312.796.985.508	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng DLGL	122.500.000.000	93,35%	114.350.000.000	114.350.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	20.241.000.000		7.504.200.000	592.200.000	6.912.000.000
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.961.000.000	20,00%	592.200.000	592.200.000	-
- Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	15.000.000.000	40,00%	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Công ty CP DLG CY Việt Nam	2.280.000.000	40,00%	912.000.000	-	912.000.000
Đầu tư dài hạn khác	12.000.000.000		480.000.000	480.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	12.000.000.000	4,00%	480.000.000	480.000.000	-
Cộng	1.003.613.401.456		835.931.185.508	756.498.885.508	79.432.300.000

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người lập biểu

Trưởng phòng TC – KT
kiểm phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ TINH TÚ

ĐỖ THÀNH NHÂN

NGUYỄN TUẦN CỘT



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>					
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(64.896.181.926)	2.984.908.363.361
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	(1.042.971.374.459)	(1.042.971.374.459)
- Lỗi trong năm	-	-	-	(1.042.971.374.459)	(1.042.971.374.459)
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.107.867.556.385)	1.941.936.988.902
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>					
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.107.867.556.385)	1.941.936.988.902
6. Tăng trong năm	-	-	-	36.689.450.527	36.689.450.527
- Lãi trong năm	-	-	-	36.689.450.527	36.689.450.527
7. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.993.097.200.000	50.510.908.328	6.196.436.959	(1.071.178.105.858)	1.978.626.439.429

Người lập biểu

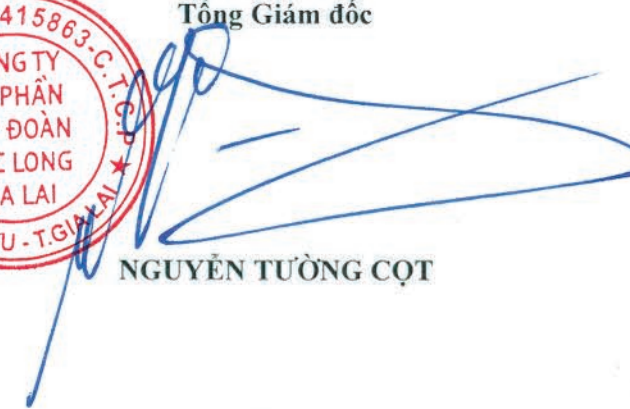

TRẦN THỊ TINH TÚ

Trưởng phòng TC – KT


ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT